zǒu xiàng

走向

Noun · direction

Example Sentences

Zhè tiáo hé de zǒu xiàng shì cóng xī xiàng dōng
这 条 河 的 走 向 是 从 西 向 东 。

The direction of this river is from west to east.

zhè tiáo lù zǒu xiàng gōng yuán
这 条 路 走 向 公 园 。

This road leads to the park.

hé liú de zǒu xiàng shì cóng xī xiàng dōng
河 流 的 走 向 是 从 西 向 东 。

The river flows from west to east.

Trace each character, then write the word on your own.

走 走 走 走 走 走 走 走 走 走

向 向 向 向 向 向 向 向 向